BẢN TIN CHỨNG KHOÁN

02/11/2020

Tổng quan thị trường

30/10/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	**925.47**	**0.70%**	**892.55**	**0.66%**	**135.34**	**0.73%**
Cuối tuần trước	961.26	-3.72%	930.30	-4.06%	141.70	-4.49%
Trung bình 20 ngày	936.82	-1.21%	894.93	-0.27%	137.95	-1.89%
Tổng KLGD (triệu cp)	**312.75**	**-28.29%**	**140.89**	**-8.79%**	**35.91**	**-21.78%**
KLGD khớp lệnh	**297.62**	**-16.38%**	**130.03**	**-14.24%**	**33.87**	**-21.18%**
Trung bình 20 ngày	380.90	-21.87%	152.11	-14.51%	51.90	-34.74%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	**6,557.65**	**-18.04%**	**4,305.95**	**-8.67%**	**434.56**	**-29.79%**
GTGD khớp lệnh	**6,099.23**	**-15.49%**	**3,985.26**	**-12.96%**	**408.01**	**-26.63%**
Trung bình 20 ngày	7,263.00	-16.02%	4,242.88	-6.07%	702.08	-41.89%
		Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng
Số mã tăng	225	46%	11	37%	74	21%
Số mã giảm	181	37%	15	50%	62	17%
Số mã đứng giá	79	16%	4	13%	219	62%

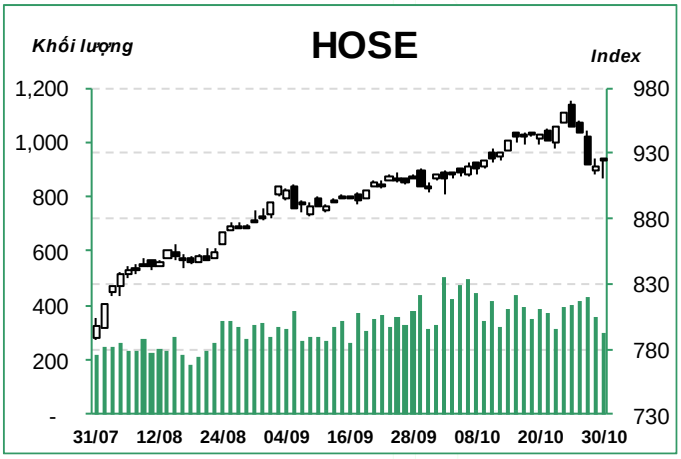

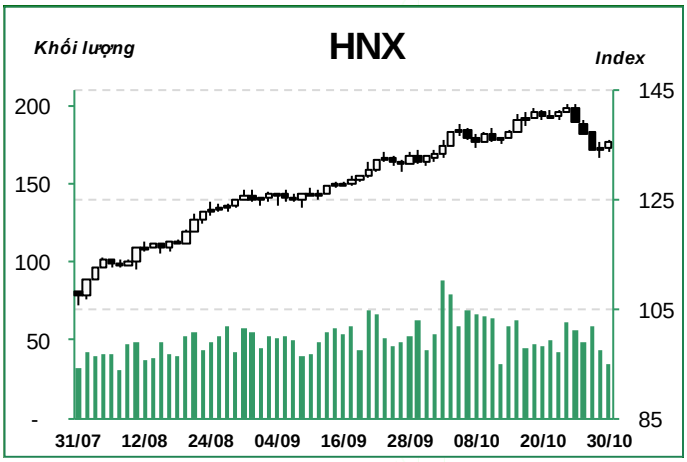

Thị trường có phiên giao dịch ảm đạm khi diễn biến giằng co xảy ra trong phần phần lớn thời gian giao dịch. Điểm nhấn chỉ đến từ phiên ATC khi các quỹ ETF nội thực hiện cơ cấu lại danh mục định kỳ. Với việc thanh khoản tiếp tục sụt giảm mạnh trong phiên hôm nay cho thấy áp lực bán đang có dấu hiệu yếu đi. Thay vào đó là lực cầu ở một vài trụ cột kéo các chỉ số bật tăng vào cuối phiên.

Trên sàn HoSE, VN-Index tăng hơn 6 điểm và đóng cửa tại mức 925.47 điểm (+0.70%). KLGD khớp lệnh đạt 297.6 triệu cổ phiếu (-16.4%), tương đương 6,099 tỷ đồng giá trị (-15.5%). Độ rộng thị trường nghiêng nhiều hơn về bên mua với 225 mã tăng so với 181 mã giảm.

Góp công lớn nhất giúp VN-Index tăng điểm hôm nay là Vingroup-VIC (+5.8%) khi một mình cổ phiếu này đã chiếm gần 6 điểm trong mức tăng chung, chủ yếu nhờ lực cầu mua vào trong phiên ATC do các quỹ ETF tái cơ cấu. Bên cạnh đó, Vinamilk-VNM (+1.0%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+3.3%), Thế giới di động-MWG (+2.3%) cũng là những trụ cột có mức tăng điểm khá tốt. Ở chiều ngược lại, nhóm ngân hàng gây sức ép cho chỉ số khi Vietcombank-VCB (-0.7%), Techcombank-TCB (-2.1%), BIDV-BID (-0.4%) điều chỉnh. Ngoài ra, 2 cổ phiếu còn lại trong nhóm Vingroup là Vincom Retail-VRE (-1.2%) và Vinhomes-VHM (-0.3%) cũng có diễn biến đi lùi dù công bố kết quả kinh doanh khả quan.

Khối ngoại gia tăng áp lực bán ròng trên sàn HoSE hôm nay, đạt giá trị 567.5 tỷ đồng (+69.5%). Trong đó, Masan-MSN (-229.4 tỷ) tiếp tục bị khối này bán ròng mạnh nhất bên cạnh Vinamilk-VNM (-82.7 tỷ) và Hòa Phát-HPG (-38.6 tỷ). Trái lại, khối ngoại tập trung mua ròng Đất Xanh-DXG (+21.3 tỷ), VPBank-VPB (+16.9 tỷ) và Mía đường Thành Thành Công - Biên Hòa-SBT (+8.4 tỷ).

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
	HOSE	
EIB	7,422.0	129.81
VIC	925.4	96.47
PNJ	400.0	27.30
DHC	583.0	26.82
IBC	1,000.0	20.00
NVL	235.0	14.74
HPG	422.8	12.69
SCS	100.0	11.50
MBB	522.6	9.55
VSC	226.9	9.53
	HNX	
TAR	361.3	7.23
TNG	577.0	7.21
SHS	357.8	4.87
GKM	250.0	4.13
CEO	480.9	3.03
VIE	14.2	0.09

Có diễn biến tương tự, HNX-Index cũng đóng cửa trong sắc xanh tại mức 135.34 điểm (+0.73%). KLGD khớp lệnh đạt 33.9 triệu cổ phiếu (-21.2%), tương đương 408.0 tỷ đồng giá trị (-26.6%).

Trong đó, Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+2.0%), Ngân hàng Á Châu-ACB (+0.8%) cùng với Vicostone-VCS (+2.6%) là những trụ cột kéo điểm chính cho HNX-Index. Ngược lại, áp lực điều chỉnh đến từ Vinaconex-VCG (-0.5%) và một số mã vốn hóa nhỏ hơn như Đầu tư Thành Đạt-DTD (-6.9%), Hóa chất Việt trì-HVT (-9.1%) hay Sông Đà 11-SJE (-9.0%).

Khối ngoại đảo chiều mua ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 1.0 tỷ đồng. Với những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất là Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+3.2 tỷ), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+2.2 tỷ), Cảng Đà Nẵng-CDN (+0.5 tỷ). Trong khi đó, khối này bán ròng Sông Đà 9-SD9 (-2.2 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-1.1 tỷ) và Vinaconex-VCG (-1.1 tỷ)

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch suy giảm và duy trì dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn khá thận trọng. Không những vậy, xu hướng chính trong ngắn hạn vẫn là giảm điểm, khi chỉ số đang nằm dưới MA20 cùng với MA5 cắt xuống dưới MA20 cho tín hiệu xác nhận xu hướng giảm hiện tại. Phiên tăng điểm vừa qua có thể chỉ mang tính kỹ thuật, với kháng cự quanh 933 điểm (MA20). Trong trường hợp tiếu cực, chỉ số có thể sớm giảm điểm trở lại và hướng về thử thách vùng hỗ trợ quanh vùng tâm lý 900 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Mặc dù, chỉ số có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp nhưng vẫn nằm dưới MA20 và MA5 cắt xuống MA20, cho thấy xu hướng chính vẫn là điều chỉnh, phiên hồi chỉ mang tính kỹ thuật, chỉ số có thể sớm chịu sức ép suy giảm về vùng 131.9 điểm (MA50). Nhìn chung, xu hướng chính của thị trường vẫn là điều chỉnh, phiên tăng điểm ngày 30/10 có thể chỉ mang tính kỹ thuật. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các nhịp hồi trong phiên để đưa tỷ trọng danh mục về mức an toàn nhằm tránh các biến động tiêu cực từ thị trường.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
HRC	44.9	0.0	6.9%
CVT	25.6	2,145.0	6.9%
TCR	3.3	0.0	6.8%
VMD	23.9	0.0	6.7%
VDS	8.0	5.0	6.7%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
CMV	12.0	0.0	-7.0%
HTL	15.5	1.9	-6.9%
PNC	8.8	5.8	-6.9%
TN1	54.0	4.5	-6.9%
DAH	4.3	3,172.4	-6.8%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TCB	21.4	627.2	-2.1%
HPG	30.6	577.4	-0.2%
MSN	84.0	334.4	0.0%
VNM	108.0	285.1	1.0%
CTG	29.0	262.4	-0.3%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
TCB	21.4	28,887.8	-2.1%
HPG	30.6	19,039.2	-0.2%
FLC	4.2	14,029.3	0.7%
CTG	29.0	9,099.3	-0.3%
HSG	15.0	8,952.7	1.4%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
FID	1.1	10.3	10.0%
AME	6.6	0.2	10.0%
HCT	9.9	2.2	10.0%
TSB	8.8	3.1	10.0%
PPY	19.9	0.1	9.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
HKB	0.7	72.4	-12.5%
SDG	21.6	0.1	-10.0%
CKV	10.8	0.1	-10.0%
RCL	15.5	0.1	-9.9%
SIC	12.0	0.6	-9.8%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	24.1	105.4	0.8%
PVS	13.0	53.5	0.0%
SHS	12.3	23.1	-0.8%
SHB	15.4	22.2	2.0%
NVB	8.8	21.6	0.0%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	24.1	4,395.9	0.8%
PVS	13.0	4,152.6	0.0%
NVB	8.8	2,464.8	0.0%
KLF	1.9	1,975.3	5.6%
SHS	12.3	1,871.0	-0.8%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	598.6	9.1%	1,166.0	17.8%	-567.5
HNX	9.8	2.2%	8.8	2.0%	1.0
Tổng số	**608.3**		**1,174.8**		**-566.5**

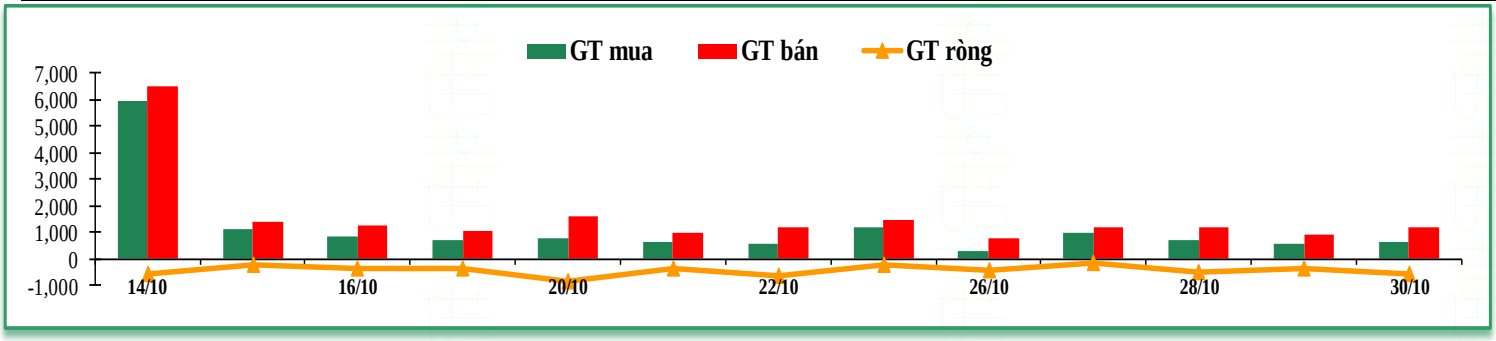

HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	106.5	127.2	5.8%
VNM	108.0	69.0	1.0%
HPG	30.6	67.3	-0.2%
VHM	76.0	47.0	-0.3%
VCB	83.0	36.0	-0.7%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MSN	84.0	235.0	0.0%
VNM	108.0	151.7	1.0%
VIC	106.5	133.7	5.8%
HPG	30.6	105.9	-0.2%
VRE	25.3	51.8	-1.2%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
DXG	11.5	21.3	0.9%
VPB	23.6	16.9	1.3%
SBT	14.7	8.4	1.4%
GVR	14.2	8.4	3.3%
SSI	17.1	6.2	0.0%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	15.4	3.3	2.0%
SHS	12.3	2.3	-0.8%
BVS	10.0	1.3	-1.0%
VCS	72.3	0.7	2.6%
CDN	25.7	0.5	7.5%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
BVS	10.0	2.4	-1.0%
SD9	5.9	2.2	-1.7%
VCG	40.0	1.1	-0.5%
SLS	53.5	0.5	-2.7%
AMV	16.0	0.4	0.6%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	15.4	3.2	2.0%
SHS	12.3	2.2	-0.8%
CDN	25.7	0.5	7.5%
VCS	72.3	0.4	2.6%
NTP	34.6	0.4	2.1%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Tin trong nước

Hàng tỷ USD đổ vào hạ tầng phía Nam

Bộ Giao thông vận tải vừa đề xuất xây dựng kế hoạch đầu tư 7 tuyến cao tốc ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) gồm: Cần Thơ - Cà Mau, Chơn Thành - Đức Hòa, Đức Hòa - Mỹ An, Mỹ An - Cao Lãnh, An Hữu - Cao Lãnh (thuộc tuyến cao tốc 2 Hồng Ngự - Trà Vinh), Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu.

7 tuyến cao tốc này có tổng vốn đầu tư là 64.554 tỷ đồng, sẽ được phân kỳ đầu tư, trong đó nhu cầu vốn trong giai đoạn 2021-2025 khoảng 37.272 tỷ đồng.

Doanh nghiệp lĩnh vực nào giải thể nhiều nhất?

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê vừa công bố, doanh nghiệp trong lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy giải thể nhiều nhất trong 10 tháng năm 2020.

Cụ thể, sau 10 tháng, cả nước có gần 111.200 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký gần 1,6 triệu tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 850.300 lao động, giảm 2,9% về số doanh nghiệp, tăng 11,1% về vốn đăng ký và giảm 17% về số lao động so với cùng kỳ năm trước.

Đáng chú ý, vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 10 tháng đạt 14,3 tỷ đồng, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước.

Nếu tính cả gần 2,3 triệu tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 32.600 doanh nghiệp tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 10 tháng năm nay là 3,9 triệu tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, còn có 37.700 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 8,2% so với 10 tháng năm 2019, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 10 tháng lên 148.900 doanh nghiệp, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm trước.

Như vậy, trung bình mỗi tháng có hơn 15.000 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Tuy nhiên, trong 10 tháng có gần 85.600 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 15,1% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, có 41.800 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 58,7%; gần 30.300 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 12,4%; 13.500 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 0,1%.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Vietnam Airlines lỗ 9 tháng 'đánh bay' thành quả 5 năm

Vietnam Airlines (HoSE: HVN) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý III với doanh thu thuần giảm đến 70% còn hơn 7.600 tỷ đồng. Các chi phí cố định lớn khiến doanh nghiệp bị lỗ gộp hơn 3.200 tỷ đồng. Mặc dù đã cắt giảm nhiều chi phí hoạt động khác, Vietnam Airlines vẫn báo lỗ sau thuế 3.997 tỷ đồng, cải thiện không đáng kể so với khoản lỗ 3.945 tỷ đồng của quý II.

Doanh nghiệp lý giải nguyên nhân là dịch Covid-19 đã tác động nghiệm trọng đến ngành hàng không toàn cầu, khiến doanh thu công ty mẹ giảm đến 66% bởi giảm doanh thu cung cấp dịch vụ. Trong đó doanh thu hành khách nội địa giảm 35%, quốc tế giảm mạnh 95%, doanh thu cho thuê chuyến giảm 53%. Ngoài ra, các đơn vị có liên quan đến dịch vụ hàng không cũng ảnh hưởng lớn như Vacs, Skypec, Viags…Trong cuộc họp báo trước đó, lãnh đạo Vietnam Airlines cho biết Pacific Airlines lỗ 1.100 tỷ đồng trong 9 tháng và dự kiến cả năm lỗ 1.600 tỷ đồng.

Tính chung 9 tháng đầu năm, doanh thu thuần giảm 57% còn 32.411 tỷ đồng. Doanh nghiệp lỗ gộp 7.707 tỷ và lỗ sau thuế 10.472 tỷ đồng. Mức lỗ 9 tháng này đã "thổi bay" lợi nhuận của 5 năm trước đó. Lỗ lũy kế hiện là 8.874 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu còn 6.610 tỷ đồng.

Viettel Global lãi trước thuế quý III tăng 188% lên 1.090 tỷ đồng

Viettel Global (UPCoM: VGI) công bố kết quả kinh doanh hợp nhất quý III và 9 tháng đầu năm. Đây là quý ghi nhận hoạt động kinh doanh cốt lõi khởi sắc nhất trong nhiều năm nay của công ty.

Doanh thu thuần tăng 26% so với cùng kỳ năm trước lên 5.726 tỷ đồng. Lãi gộp đạt 2.392 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 41,8%, đều là mức cao nhất từ trước đến nay. Đây là kết quả đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu và tăng trưởng của ngành viễn thông thế giới đang đi ngang, ở nhiều quốc gia còn suy giảm.

Lợi nhuận trước thuế tăng 188% lên 1.090 tỷ đồng. Đây là quý thứ 2 kể từ đầu năm, Viettel Global đạt lợi nhuận trên 1.000 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ tăng từ 59 tỷ đồng lên 876 tỷ đồng.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, Viettel Global đạt 14.351 tỷ đồng doanh thu hợp nhất, tăng 16% so với cùng kỳ. Do tối ưu chi phí nên lãi gộp tăng 25% lên 5.658 tỷ đồng.

Với đà tăng trưởng được duy trì của Mytel, lợi nhuận từ công ty liên kết đạt hơn 1.511 tỷ đồng trong khi cùng kỳ âm 15 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế tăng 47% lên 2.272 tỷ đồng. Lợi nhuận ròng tăng 113% lên 1.664 tỷ đồng.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	GEX	Mua	02/11/20	19	19	0.0%	21	10.5%	18.3	-3.7%	Tín hiệu quá bán và có cơ hội đảo chiều phục hồi trở lại

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	CTG	Quan sát mua	02/11/20	29	32	Nến rút chân quanh vùng gap cho khả năng có thể có hồi kỹ thuật, tuy nhiên nên chờ nhịp giảm về test đáy tích cực mới nên tham gia -> theo dõi thêm
2	BVB	Quan sát mua	02/11/20	12.1	14	Nhịp điều chỉnh về test hỗ trợ quanh 12 tích cực với vol giảm dần -> cần một phiên tăng tốt kèm vol sẽ cho khả năng quay lại nhịp tăng
3	PTB	Quan sát mua	02/11/20	51.8	57	Nhịp điều chỉnh về hỗ trợ 51-52 tích cực với vol cạn dần -> cần một phiên tăng tốt > 53.5 kèm vol sẽ cho khả năng quay lại nhịp tăng
4	DXG	Quan sát mua	02/11/20	11.5	13 | 14-14.5	Nhịp điều chỉnh về hỗ trợ EMA tích cực với vol thấp + có phiên tăng vol tăng lại -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 30/10/2020									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	850	1.2 %	-45%	331	47	56,400	(0)	(850)	KIS	CTD	77,830	9.6	16/12/2020
CFPT2003	7,300	11,090	0.9 %	52%	825	10	51,500	12,173	1,083	SSI	FPT	41,790	0.8	09/11/2020
CFPT2008	1,500	1,400	1.5 %	-7%	20,255	76	51,500	982	(418)	HCM	FPT	46,990	4.9	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,160	-0.9 %	-13%	17,344	77	51,500	1,665	(495)	HCM	FPT	46,800	3.0	15/01/2021
CFPT2010	7,900	5,010	3.9 %	-37%	1,120	78	51,500	1,115	(3,895)	HCM	FPT	52,000	1.0	16/01/2021
CFPT2011	1,700	1,610	3.2 %	-5%	2,286	153	51,500	968	(642)	HCM	FPT	48,000	5.0	01/04/2021
CFPT2012	1,500	1,450	-1.4 %	-3%	409	186	51,500	699	(751)	HCM	FPT	51,000	5.0	04/05/2021
CFPT2013	3,800	3,570	0.3 %	-6%	690	160	51,500	1,271	(2,299)	BSI	FPT	52,000	2.0	08/04/2021
CHPG2008	4,100	9,590	1.2 %	134%	8,801	79	30,550	9,705	115	HCM	HPG	22,910	0.8	17/01/2021
CHPG2012	6,100	11,500	0.9 %	89%	7,231	81	30,550	11,237	(263)	HCM	HPG	21,680	0.8	19/01/2021
CHPG2013	6,900	13,630	1.3 %	98%	4,135	32	30,550	13,704	74	SSI	HPG	19,630	0.8	01/12/2020
CHPG2014	7,200	12,330	0.3 %	71%	10,633	171	30,550	11,422	(908)	SSI	HPG	21,680	0.8	19/04/2021
CHPG2015	6,700	11,850	0.5 %	77%	3,577	122	30,550	11,314	(536)	SSI	HPG	21,680	0.8	01/03/2021
CHPG2016	2,200	5,350	1.7 %	143%	15,014	76	30,550	5,104	(246)	HCM	HPG	22,500	1.6	14/01/2021
CHPG2019	1,630	3,250	-2.7 %	99%	35,650	49	30,550	3,265	15	MBS	HPG	24,100	2.0	18/12/2020
CHPG2020	5,700	7,080	-2.3 %	24%	24,896	243	30,550	5,711	(1,369)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2021	2,400	3,710	1.9 %	55%	2,540	153	30,550	2,958	(752)	HCM	HPG	25,000	2.0	01/04/2021
CHPG2022	2,100	3,270	1.2 %	56%	11,109	186	30,550	2,231	(1,039)	HCM	HPG	27,000	2.0	04/05/2021
CHPG2023	2,100	3,610	3.1 %	72%	10,908	74	30,550	2,325	(1,285)	ACBS	HPG	28,500	1.0	12/01/2021
CHPG2024	2,200	2,900	-5.8 %	32%	2,043	160	30,550	1,925	(975)	BSI	HPG	27,500	2.0	08/04/2021
CMBB2003	2,000	2,440	2.1 %	22%	7,009	10	17,800	2,401	(39)	SSI	MBB	15,650	0.9	09/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMBB2007	1,400	2,080	3.0 %	49%	23,296	76	17,800	1,822	(258)	HCM	MBB	14,780	1.7	14/01/2021
CMBB2008	3,400	2,580	0 %	-24%	18,390	151	17,800	267	(2,313)	VND	MBB	20,000	0.9	30/03/2021
CMSN2001	2,300	3,330	6.4 %	45%	4,995	47	84,000	3,684	354	KIS	MSN	65,790	5.0	16/12/2020
CMSN2006	1,900	5,190	1.6 %	173%	373	76	84,000	5,658	468	HCM	MSN	56,000	5.0	14/01/2021
CMSN2008	1,530	5,770	8.9 %	277%	10	38	84,000	6,228	458	MBS	MSN	53,000	5.0	07/12/2020
CMSN2010	4,800	13,950	-1.5 %	191%	2,662	151	84,000	14,784	834	VND	MSN	55,000	2.0	30/03/2021
CMSN2011	2,000	6,270	2.5 %	214%	2,727	153	84,000	6,508	238	HCM	MSN	52,000	5.0	01/04/2021
CMWG2007	12,900	18,910	-4.0 %	47%	7,571	31	104,700	19,082	172	SSI	MWG	85,800	1.0	30/11/2020
CMWG2010	1,400	2,540	-9.0 %	81%	135,056	76	104,700	2,451	(89)	HCM	MWG	80,860	9.9	14/01/2021
CMWG2011	2,980	4,600	0 %	54%	2	49	104,700	3,916	(684)	MBS	MWG	85,800	4.9	18/12/2020
CMWG2012	4,390	5,610	2.6 %	28%	16,602	101	104,700	5,379	(231)	SSI	MWG	78,890	4.9	08/02/2021
CMWG2013	12,000	11,300	2.7 %	-6%	6,946	243	104,700	7,579	(3,721)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2014	2,500	2,430	-8.3 %	-3%	100	70	104,700	504	(1,926)	BSI	MWG	107,000	3.9	08/01/2021
CNVL2001	2,300	-	0 %	-100%	-	47	62,000	0	0	KIS	NVL	65,890	4.0	16/12/2020
CNVL2002	2,000	1,980	-1.0 %	-1%	316	131	62,000	632	(1,348)	KIS	NVL	59,890	5.0	10/03/2021
CPNJ2006	1,000	1,300	4.0 %	30%	33,835	76	69,500	1,081	(219)	HCM	PNJ	59,000	10.0	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	3,200	12.3 %	92%	19,362	21	69,500	3,315	115	MBS	PNJ	53,000	5.0	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	3,870	5.7 %	28%	4,510	101	69,500	3,969	99	SSI	PNJ	50,000	5.0	08/02/2021
CPNJ2009	1,400	1,890	3.3 %	35%	3,089	153	69,500	1,551	(339)	HCM	PNJ	58,000	8.0	01/04/2021
CREE2005	1,300	2,530	1.6 %	95%	681	76	41,900	2,392	(138)	HCM	REE	32,500	4.0	14/01/2021
CROS2002	1,000	120	-14.3 %	-88%	2,013	47	2,200	(0)	(120)	KIS	ROS	7,230	1.0	16/12/2020
CSBT2001	2,900	450	-10.0 %	-84%	3,833	47	14,700	(0)	(450)	KIS	SBT	20,450	1.0	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,770	0 %	4%	15,527	47	13,300	1,449	(321)	KIS	STB	11,890	1.0	16/12/2020
CSTB2004	1,400	2,380	0 %	70%	11,509	31	13,300	2,323	(57)	SSI	STB	11,000	1.0	30/11/2020
CSTB2005	1,080	760	4.1 %	-30%	4,775	4	13,300	747	(13)	KIS	STB	11,810	2.0	03/11/2020
CSTB2006	1,500	1,290	-5.2 %	-14%	7,355	157	13,300	547	(743)	KIS	STB	12,890	2.0	05/04/2021
CSTB2008	1,500	3,000	-3.2 %	100%	1,867	21	13,300	3,115	115	MBS	STB	10,200	1.0	20/11/2020
CSTB2009	1,650	2,700	-6.9 %	64%	12,589	49	13,300	2,437	(263)	MBS	STB	10,900	1.0	18/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2011	2,700	1,420	0.7 %	-47%	17,960	151	13,300	388	(1,032)	VND	STB	14,500	1.0	30/03/2021
CSTB2012	2,500	1,950	3.7 %	-22%	52	153	13,300	1,011	(939)	HCM	STB	13,000	1.0	01/04/2021
CTCB2005	3,000	1,300	-13.3 %	-57%	21,297	31	21,350	46	(1,254)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/11/2020
CTCB2007	1,700	1,710	0 %	1%	11,896	76	21,350	778	(932)	HCM	TCB	20,000	2.0	14/01/2021
CTCB2008	1,720	1,500	-9.1 %	-13%	19,856	49	21,350	719	(781)	MBS	TCB	20,000	2.0	18/12/2020
CTCB2009	4,400	2,480	-12.1 %	-44%	84,230	151	21,350	941	(1,539)	VND	TCB	22,000	1.0	30/03/2021
CTCB2010	2,000	1,490	-8.0 %	-26%	68,612	153	21,350	590	(900)	HCM	TCB	21,500	2.0	01/04/2021
CVHM2001	3,100	500	-15.3 %	-84%	160	47	76,000	0	(500)	KIS	VHM	94,570	5.0	16/12/2020
CVHM2002	11,500	3,900	-10.1 %	-66%	6,209	31	76,000	460	(3,440)	SSI	VHM	77,000	1.0	30/11/2020
CVHM2005	1,400	740	-2.6 %	-47%	6,898	76	76,000	98	(642)	HCM	VHM	79,000	10.0	14/01/2021
CVHM2007	2,900	1,600	-4.8 %	-45%	65,566	101	76,000	688	(912)	SSI	VHM	75,000	5.0	08/02/2021
CVHM2009	1,400	1,270	-2.3 %	-9%	8,750	153	76,000	671	(599)	HCM	VHM	72,000	10.0	01/04/2021
CVHM2010	1,300	1,130	-5.0 %	-13%	70	186	76,000	509	(621)	HCM	VHM	76,500	10.0	04/05/2021
CVIC2006	1,700	2,380	7.2 %	40%	12,551	153	106,500	2,055	(325)	HCM	VIC	87,000	10.0	01/04/2021
CVJC2001	2,400	160	6.7 %	-93%	3,008	47	101,200	(0)	(160)	KIS	VJC	173,140	10.0	16/12/2020
CVJC2005	2,000	1,080	2.9 %	-46%	20,360	101	101,200	373	(707)	SSI	VJC	100,000	10.0	08/02/2021
CVNM2004	17,500	16,070	0.1 %	-8%	765	31	108,000	15,816	(254)	SSI	VNM	95,550	0.8	30/11/2020
CVNM2007	2,400	1,330	2.3 %	-45%	2,039	131	108,000	340	(990)	KIS	VNM	112,460	8.1	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,130	1.4 %	18%	19,276	76	108,000	1,826	(304)	HCM	VNM	93,520	8.2	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,600	2.0 %	44%	21,474	38	108,000	2,494	(106)	MBS	VNM	87,780	8.2	07/12/2020
CVNM2010	2,680	2,580	1.6 %	-4%	8,199	101	108,000	2,244	(336)	SSI	VNM	90,240	8.2	08/02/2021
CVNM2012	7,700	5,190	3.4 %	-33%	3,822	151	108,000	2,220	(2,970)	VND	VNM	110,000	2.0	30/03/2021
CVNM2013	1,900	1,540	2.0 %	-19%	937	153	108,000	775	(765)	HCM	VNM	104,000	10.0	01/04/2021
CVPB2006	3,400	1,150	-4.2 %	-66%	18,118	31	23,600	150	(1,000)	SSI	VPB	24,000	1.0	30/11/2020
CVPB2008	1,800	1,550	0 %	-14%	12,139	76	23,600	930	(620)	HCM	VPB	22,000	2.0	14/01/2021
CVPB2009	1,630	1,800	-2.7 %	10%	37,582	21	23,600	1,715	(85)	MBS	VPB	20,200	2.0	20/11/2020
CVPB2010	4,700	2,970	0.3 %	-37%	19,243	151	23,600	1,353	(1,617)	VND	VPB	24,000	1.0	30/03/2021
CVPB2011	1,900	1,660	3.8 %	-13%	8	186	23,600	856	(804)	HCM	VPB	24,000	2.0	04/05/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVPB2012	2,000	1,670	1.2 %	-17%	2,958	153	23,600	938	(732)	HCM	VPB	23,000	2.0	01/04/2021
CVRE2003	3,000	160	-11.1 %	-95%	2,399	47	25,300	(0)	(160)	KIS	VRE	38,000	2.0	16/12/2020
CVRE2005	4,000	1,090	-14.2 %	-73%	3,950	31	25,300	0	(1,090)	SSI	VRE	28,000	1.0	30/11/2020
CVRE2007	1,520	450	-2.2 %	-70%	15,782	157	25,300	15	(435)	KIS	VRE	33,330	5.0	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,080	0 %	-10%	2,791	76	25,300	126	(954)	HCM	VRE	26,000	4.0	14/01/2021
CVRE2012	1,300	810	1.3 %	-38%	31,943	153	25,300	279	(531)	HCM	VRE	26,500	4.0	01/04/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
FMC (New)	HOSE	30,200	35,400	29/10/2020	196	3,997	19,396	21%	11.9%	8.9	1.8	25%
TNG (New)	HNX	11,600	15,000	21/10/2020	236	2,902	16,623	18%	5.3%	5.2	0.9	16%
TCM (New)	HOSE	23,800	26,800	07/10/2020	203	3,279	25,319	13%	7.2%	8.2	1.1	-
HBC (New)	HOSE	10,050	10,350	02/10/2020	145	675	17,865	4%	1.0%	15.3	0.6	0%
KBC	HOSE	13,850	17,700	02/10/2020	531	1,131	20,813	5%	3.3%	9.4	0.6	-
ANV	HOSE	19,000	22,200	30/09/2020	249	1,952	19,165	10%	5.7%	11.4	1.2	10%
DXG	HOSE	11,500	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-
ACV	UPCOM	61,600	71,600	29/09/2020	2,208	1,008	14,342	6%	3.8%	71.5	5.0	5%
NLG	HOSE	27,200	32,300	28/09/2020	870	3,555	23,659	14%	8.0%	7.9	1.0	5%
IMP	HOSE	49,100	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
CTD	HOSE	56,400	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
DBD	HOSE	44,850	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB	HOSE	83,000	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST	HOSE	46,600	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR	HOSE	55,100	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	25,300	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	9,400	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	104,700	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL	HOSE	62,000	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

NT2	HOSE	22,700	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%

*** Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.**
**** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.**

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%
Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%
Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.
Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.
Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).
Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5413 7991
Web: www.phfm.vn

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.